

Bản án số: **108/2022/HS-ST**

Ngày: **30/8/2022**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Thẩm phán: Bà Lê Thị Ký

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Minh Sinh

Ông Trần Thanh Hùng

Ông Đặng Văn Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Anh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Như Quang Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 92/2022/TLST-HS ngày 26/7/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXX-ST ngày 12/8/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Hồng H**; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 25 tháng 8 năm 1967, tại tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi thường trú: ấp Chà R, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm rẫy. Trình độ học vấn: lớp 12/12. Dân tộc: Kinh, Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Phật. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Lê C, đã chết và con bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1940. Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là người thứ nhất, có chồng tên Lê Đình H, sinh năm 1966 và có 02 con: lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 05/7/2021 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 62/LB-PC01 ngày 29/6/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

Bào chữa cho bị cáo theo quy định của pháp luật: Có luật sư Phạm Văn Ngh thuộc Công ty Luật TMHH MTV Biên Hùng - Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

- Bị hại:

1. Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1972.

Thường trú: ấp Bầu S, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1963,

Thường trú: ấp Tân H, xã Xuân Th, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Vũ Mạnh T, sinh năm 1954.

Thường trú: ấp Phước V, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai

4. Bà Trịnh Thị Kiều Mỹ L, sinh năm 1966.

Thường trú: tổ 1, ấp Bầu S, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà Trần Thị H, sinh năm 1962.

Thường trú: ấp Chà R, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

6. Bà Bùi Thị B, sinh năm 1971.

Thường trú: ấp Gia T, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

7. Bà Lê Hà Hữu Ng, sinh năm 1978.

Thường trú: ấp Phước V, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

8. Bà Lâm Thị Ng, sinh năm 1957.

Thường trú: ấp Phước V, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

9. Ông Hứa Xuân Tr, sinh năm 1948.

Thường trú: Tổ 2, ấp Chà R, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Luật sư bào chữa cho bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị cáo, bà Ch, ông T, bà L, bà B, ông Tr, bà H, bà Ng, bà Ng, có mặt, ông Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung vụ án:

Để có tiền trả nợ, khoảng đầu năm 2017, Trần Thị Hồng H, sinh năm 1967, hộ khẩu thường trú: ấp Chà R, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai đã thuê một người tên Hoàng Văn Th (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tại Thành phố Hồ Chí Minh làm giả nhiều giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) với mục đích đem đi thế chấp cho người khác để chiếm đoạt tiền của họ. Với hành vi và thủ đoạn như trên, từ ngày 12/11/2020 đến ngày 01/5/2021, H đã sử dụng 11 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thế chấp cho 09 người bị Hại, chiếm đoạt tổng số tiền 7.350.000.000 đồng của họ, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 12/11/2020, Trần Thị Hồng H sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 56, tờ bản đồ số 12 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 249, tờ bản đồ số 32 đều có địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai thế chấp cho bà Trần Thị Ch, sinh năm 1972, hộ khẩu

thường trú: Ấp Bàu Sinh, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai vay 600.000.000 đồng. Do có mối quan hệ quen biết từ trước và tin tưởng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà H thế chấp là thật nên bà Ch đã đưa số tiền trên cho H vay trong thời hạn 01 tháng. Quá thời hạn 01 tháng, bà Ch yêu cầu H trả tiền nhưng H đưa ra nhiều lý do để kéo dài thời gian. Ngày 12/4/2021, bà Ch đem 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đến bộ phận một cửa UBND huyện X để kiểm tra thì bị nghi ngờ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên đã bị tạm giữ chuyển cho Công an huyện X xử lý.

Tại Kết luận giám định số 989/KLGD-PC09 ngày 31/5/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 56, tờ bản đồ số 12 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 249, tờ bản đồ số 32 có địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai mà H đem thế chấp cho bà Ch là giả.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, vợ chồng bị can Trần Thị Hồng H đã thỏa thuận khắc phục xong việc bồi thường cho bà Trần Thị Ch.

Vụ thứ hai: Ngày 29/12/2020, Trần Thị Hồng H sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 56, tờ bản đồ số 12, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai thế chấp cho ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1963, hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã Xuân Th, huyện X, tỉnh Đồng Nai (chủ cơ sở cầm đồ “Thanh Thúy - Xuân Th”) vay 500.000.000 đồng trong thời Hạn 03 tháng thì ông Đồng đồng ý. Tuy nhiên, để đảm bảo việc trả nợ, ông Đ yêu cầu H cùng đến UBND xã Suối C để ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất mà H đem thế chấp cho ông Đ. Khoảng 16 giờ cùng ngày, H và ông Đ đã cùng ký vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Cán bộ Tư pháp xã lập nhưng do không kịp thời gian trình lãnh đạo UBND xã chứng thực nên Cán bộ Tư pháp UBND xã Suối C hẹn giao trả hợp đồng vào ngày 30/12/2020. Do có mối quan hệ quen biết từ trước và tin tưởng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà H đem thế chấp là thật nên ông Đồng yêu cầu H viết giấy “Thỏa thuận về việc chuyển nhượng có điều kiện quyền sử dụng nhà đất” rồi giao 500.000.000 đồng cho H vay.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Cán bộ Tư pháp UBND xã Suối C tiến hành kiểm tra, xác minh xác định thửa đất trên Hiện do bà Trần Mỹ Ph, hộ khẩu thường trú: Khu 4, thị trấn Gia R, huyện X, tỉnh Đồng Nai đứng tên quyền sử dụng. Nhận thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do H ký Hợp đồng chuyển nhượng cho ông Đồng có dấu Hiệu bị làm giả nên ngày 30/12/2020, UBND xã Suối C chuyển toàn bộ hồ sơ cho Công an xã Suối C tiếp nhận, xử lý theo quy định pháp luật. Ngay sau đó, Công an xã Suối C mời H lên làm việc. Tại cơ quan Công an, H thừa nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả và đã tự nguyện giao trả lại 500.000.000 đồng cho ông Đồng.

Tại Kết luận giám định số 169/KLGD-PC09 ngày 09/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 56, tờ bản đồ số 12, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai mà H đem thế chấp cho ông Đồng là giả.

Vụ thứ ba: Ngày 21/4/2020, Trần Thị Hồng H sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 53, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai thế chấp cho ông Vũ Mạnh T, sinh năm 1954, hộ khẩu thường trú: ấp Phụng V, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai vay 700.000.000 đồng. Do tin tưởng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H đem thế chấp là thật nên ông T đã đưa tiền cho H vay. Sau khi H bị bắt tạm giam, nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà H thế chấp là giả, ông T đã đến trình báo với Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận giám định số 2015/KLGD-PC09 ngày 19/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 53, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai mà H đem thế chấp cho ông T là giả.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Trần Thị Hồng H đã bồi thường cho ông Vũ Mạnh T số tiền 500.000.000 đồng. Ông T tiếp tục yêu cầu H bồi thường 200.000.000 đồng còn lại.

Vụ thứ tư: Ngày 24/7/2020, Trần Thị Hồng H sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 48, tờ bản đồ số 12, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai thế chấp cho bà Trịnh Thị Kiều Mỹ L, sinh năm 1966, hộ khẩu thường trú: ấp Bàu Sinh, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai vay 600.000.000 đồng. Do tin tưởng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H đem thế chấp là thật nên bà L đã đưa tiền cho H vay. Sau khi H bị bắt tạm giam, nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà H thế chấp là giả, bà L đã đến trình báo với Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận giám định số 2015/KLGD-PC09 ngày 19/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 48, tờ bản đồ số 12, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai mà H đem thế chấp cho bà L là giả.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Trịnh Thị Kiều Mỹ L yêu cầu Trần Thị Hồng H bồi thường 600.000.000 đồng. Hiện H chưa bồi thường.

Vụ thứ năm: Ngày 17/11/2020, Trần Thị Hồng H sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 55, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai thế chấp cho bà Trần Thị H, sinh năm 1962, hộ khẩu thường trú: ấp Chà R, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai vay 300.000.000 đồng. Do tin tưởng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H đem thế chấp là thật nên bà H đồng ý đưa

tiền cho H vay. Sau khi H bị bắt tạm giam, nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà H thế chấp là giả, bà L đã đến trình báo với Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận giám định số 2015/KLGD-PC09 ngày 19/11/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 55, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai mà H đem thế chấp cho bà H là giả.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Trần Thị Hồng H đã bồi thường cho bà Trần Thị H số tiền 100.000.000 đồng. Bà H tiếp tục yêu cầu H bồi thường 200.000.000 đồng còn lại.

Vụ thứ sáu: Từ ngày 12/12/2020 đến ngày 04/01/2021, Trần Thị Hồng H sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 188, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai thế chấp cho bà Bùi Thị B, sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai vay tổng cộng 400.000.000 đồng. Do tin tưởng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H đem thế chấp là thật nên bà B đã đưa tiền cho H vay. Sau khi H bị bắt tạm giam, nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà H thế chấp là giả, bà B đã đến trình báo với Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận giám định số 2015/KLGD-PC09 ngày 19/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 188, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai mà H đem thế chấp cho bà B là giả.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Bùi Thị B yêu cầu Trần Thị Hồng H bồi thường 400.000.000 đồng. Hiện H chưa bồi thường.

Vụ thứ bảy: Từ ngày 22/6/2020 đến ngày 01/5/2021, Trần Thị Hồng H sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 40, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai thế chấp cho bà Lê Hà Hữu Ng, sinh năm 1978, hộ khẩu thường trú: ấp Phụng V, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai vay tổng cộng 1.600.000.000 đồng. Do tin tưởng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H đem thế chấp là thật nên bà Ng đã đưa tiền cho H vay. Sau khi H bị bắt tạm giam, nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà H thế chấp là giả, bà Ng đã đến trình báo với Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận giám định số 2262/KLGD-PC09 ngày 31/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 40, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai mà H đem thế chấp cho bà Ng là giả.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Hà Hữu Ng yêu cầu Trần Thị Hồng H bồi thường 1.600.000.000 đồng. Hiện H chưa bồi thường.

Vụ thứ tám: Từ ngày 30/8/2019 đến tháng 10/2020, Trần Thị Hồng H sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 52, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai thế chấp cho Bà Lâm Thị Ng, sinh năm 1957, hộ khẩu thường trú: ấp Phụng Vỹ, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai vay tổng cộng 1.550.000.000 đồng. Do tin tưởng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H đem thế chấp là thật nên bà Ng đồng ý đưa tiền cho H vay. Sau khi H bị bắt tạm giam, nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà H thế chấp là giả, bà Ng đã đến trình báo với Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận giám định số 2262/KLGD-PC09 ngày 31/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 52, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai mà H đem thế chấp cho bà Ng là giả.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Trần Thị Hồng H đã bồi thường cho Bà Lâm Thị Ng số tiền 200.000.000 đồng. Bà Ng tiếp tục yêu cầu H bồi thường 1.350.000.000 đồng còn lại.

Vụ thứ chín: Từ ngày 19/11/2020 đến ngày 30/11/2020, Trần Thị Hồng H sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 55, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 52, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại: ấp Chà R, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai, thế chấp cho ông Hứa Xuân Tr, sinh năm 1948, hộ khẩu thường trú: ấp Chà R, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai vay tổng cộng 1.100.000.000 đồng. Do tin tưởng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H đem thế chấp là thật nên ông Tr đã đưa tiền cho H vay. Sau khi H bị bắt tạm giam, nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà H thế chấp là giả, ông Tr đã đến trình báo với Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận giám định số 1083/KL-KTHS ngày 20/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 55, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 52, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại: ấp Chà Rang, xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai mà H đem thế chấp cho ông Tr là giả.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Hứa Xuân Tr yêu cầu Trần Thị Hồng H bồi thường 1.100.000.000 đồng. Hiện H chưa bồi thường.

2. Vật chứng thu giữ gồm:

- 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của thửa đất số 56, tờ bản đồ số 12, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của thửa đất số 249, tờ bản đồ số 32, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của thửa đất số 53, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của thửa đất số 48, tờ bản đồ số 12, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của thửa đất số 55, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của thửa đất số 188, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của thửa đất số 40, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của thửa đất số 52, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại: xã Suối C, huyện X, tỉnh Đồng Nai. (Tất cả lưu hồ sơ vụ án).

3. Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền Trần Thị Hồng H đã chiếm đoạt của 09 bị Hại nêu trên là 7.350.000.000 đồng. Quá trình điều tra, H đã khắc phục hậu quả trả cho 04 bị Hại tổng số tiền 1.900.000.000 đồng (trong đó: bà Trần Thị Ch 600.000.000 đồng; ông Hồ Văn Đ 500.000.000 đồng; ông Vũ Mạnh T 500.000.000 đồng; bà Trần Thị H 100.000.000 đồng; Bà Lâm Thị Ng 200.000.000 đồng).

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên buộc Trần Thị Hồng H tiếp tục bồi thường cho các bị Hại tổng số tiền 5.450.000.000 đồng, cụ thể: bồi thường cho ông Vũ Mạnh T 200.000.000 đồng; Bà Trịnh Thị Kiều Mỹ L 600.000.000 đồng; Bà Trần Thị H 200.000.000 đồng; Bà Bùi Thị B 400.000.000 đồng; Bà Lê Hà Hữu Ng 1.600.000.000 đồng; Bà Lâm Thị Ng 1.350.000.000 đồng; Ông Hứa Xuân Tr 1.100.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà Trần Thị N, sinh năm 1970, hộ khẩu thường trú: ấp Tân Hoà, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai tố giác Trần Thị Hồng H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, qua kết quả điều tra xác định vụ việc là tranh chấp dân sự, không có dấu hiệu tội phạm, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã thông báo cho bà N khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện X là phù hợp quy định của pháp luật.

4. Truy tố: Cáo trạng số: 3036/CT-VKS-P2 ngày 20/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trần Thị Hồng H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

5. Ý kiến của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo xác định tất cả lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện,

không bị ép buộc hay bức cung. Kết luận điều tra cũng như Bản cáo trạng truy tố bị cáo ra trước tòa hoàn toàn phù hợp với hành vi của bị cáo đã thực hiện. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

6. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

6.1. Về tội danh, trách nhiệm hình sự, quan điểm truy tố và điều luật áp dụng với bị cáo: Giữ Ng quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Thị Hồng H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, do đó bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ.

6.2. Điều luật áp dụng và đề xuất mức hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 3 Điều 341 và Điều 55 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Hồng H từ **14** (mười bốn) năm đến **16** (mười sáu) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ **04** (bốn) đến **05** (năm) năm tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là từ 18 (mười tám) năm đến 21 (hai một) năm

6.3. Về xử lý vật chứng: Toàn bộ tang vật là 11 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tịch thu lưu tại hồ sơ vụ án.

6.4. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Trần Thị Hồng H tiếp tục bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 5.450.000.000 đồng (năm tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Cụ thể: Ông Vũ Mạnh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), bà Trịnh Thị Kiều Mỹ L yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), bà Trần Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), bà Bùi Thị B yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), bà Lê Hà Hữu Ng yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng), Bà Lâm Thị Ng yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), ông Hứa Xuân Tr yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng).

6.5. *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

7. *Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày tại bài bào chữa*:

Hành vi của bị cáo Trần Thị Hồng H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo CHIẾM đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174; và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ Luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo H đã xâm Hại đến quyền về tài sản của những người bị Hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương và đáng bị lên án. Tuy nhiên, bị cáo H đã ăn năn, hối cải, thành thật khai báo và mong muốn khắc phục hậu quả, đã bồi thường được một phần thiệt hại cho những người bị hại, có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, thuộc thành phần lao động có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là phụ nữ. Từ trình bày trên kính đề nghị Hội đồng xét xử công tâm xem xét cho bị cáo mức hình phạt phù hợp với hành vi sai phạm của bị cáo, mang tính giáo dục hơn là hình phạt để bị cáo có cơ hội cống hiến cho gia đình bị cáo và xã hội nói chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng như tại phiên tòa, hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật Tố tụng hình sự, văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ, quyền được bào chữa và tự bào chữa của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều phù hợp.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo theo chỉ định có đơn xin vắng mặt có gửi bài bào chữa cho bị cáo và Hội đồng xét xử. Tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý với sự vắng mặt của Luật sư. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt đối với Luật sư.

- Bị hại trong vụ án đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, có trường hợp có mặt nhưng có trường hợp vắng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án

2.1. *Về hành vi của bị cáo bị truy tố*:

Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị Hồng H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ, biên bản khám xét, biên bản thu nhận vật chứng cùng các chứng cứ khác đã được

thu thập có trong hồ sơ trong vụ án, từ đó có căn cứ xác định hành vi của bị cáo trong vụ án này được xem xét đánh giá toàn diện trong mối quan hệ với chứng cứ khác để xác định đúng bản chất của vụ án, phù hợp với hành vi của bị cáo thực Hiện mà Kết luận điều tra của cơ quan điều tra cũng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã mô tả.

2.2. Về tội danh và Điều luật áp dụng:

Để có tiền trả nợ, từ năm 2019 đến năm 2021, Trần Thị Hồng H đã sử dụng 11 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả làm tin để thế chấp cho 09 người bị hại và chiếm đoạt được tổng số tiền 7.350.000.000 đồng, trong đó bị cáo chiếm đoạt của bà Trần Thị Ch 600.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Hồ Văn Đồng 500.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Vũ Mạnh T 700.000.000 đồng, chiếm đoạt của bà Trịnh Thị Kiều Mỹ L 600.000.000 đồng, chiếm đoạt của bà Trần Thị H chiếm đoạt 300.000.000 đồng, chiếm đoạt của bà Bùi Thị B 400.000.000 đồng, chiếm đoạt của bà Lê Hà Hữu Ng 1.600.000.000 đồng, chiếm đoạt của Bà Lâm Thị Ng 1.550.000.000 đồng và chiếm đoạt của ông Hứa Xuân Tr chiếm đoạt 1.100.000.000 đồng. Sau khi bị phát Hiện bị cáo đã bồi thường cho một số bị hại tổng số tiền là 1.900.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Trần Thị Hồng H đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

2.3. Đánh giá tính chất mức độ thực Hiện hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét tính chất và mức độ thực Hiện hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hại cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng cho người dân và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương, ngoài ra hành vi của bị cáo còn xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải áp dụng một mức hình phạt thật nghiêm, nhằm mục đích giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung.

2.4. Về hình phạt áp dụng cho bị cáo:

- *Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo thực Hiện hành vi lừa đảo nhiều lần nên phạm vào tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thể Hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc thành phần lao động, đã bồi thường được một phần thiệt hại cho những người bị hại. Tại phiên tòa các bị hại có mặt đều xin giảm

nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về phần trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa những người bị hại đều có yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt cho bị hại, trong đó ông Vũ Mạnh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*), bà Trịnh Thị Kiều Mỹ L yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 600.000.000 đồng (*sáu trăm triệu đồng*), bà Trần Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*), bà Bùi Thị B yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*), bà Lê Hà Hữu Ng yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 1.600.000.000 đồng (*một tỷ sáu trăm triệu đồng*), Bà Lâm Thị Ng yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 1.350.000.000 đồng (*một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*), ông Hứa Xuân Tr yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 1.100.000.000 đồng (*một tỷ một trăm triệu đồng*). Xét yêu cầu của những người bị hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền trên cho những người bị hại.

[4] Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ 11 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tại hồ sơ vụ án.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Bài bào chữa của Luật sư cho bị cáo theo quy định của pháp luật tại phiên tòa phù hợp với hội đồng xét xử về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được gHại nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm và 113.450.000đ (*một trăm mười ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

- Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng pháp luật:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 3 Điều 341, điểm b và s khoản 1 Điều 51 và điểm c khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

2. Quyết định hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Hồng H** tù **14** (mười bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và **03** (ba) năm tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

2.1. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Trần Thị Hồng H phải chấp hành hình phạt chung là: **17** (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2021.

3. Về bồi thường dân sự:

Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự. Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 401 Khoản 5 Điều 275, và Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Thị Hồng H phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại như sau:

Bồi thường cho ông Vũ Mạnh T 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*);

Bồi thường cho bà Trịnh Thị Kiều Mỹ L 600.000.000đ (*sáu trăm triệu đồng*).

Bồi thường cho bà Trần Thị H 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*);

Bồi thường cho bà Bùi Thị B 400.000.000đ (*bốn trăm triệu đồng*);

Bồi thường cho bà Lê Hà Hữu Ng 1.600.000.000đ (*một tỷ sáu trăm triệu đồng*).

Bồi thường cho bà Bà Lâm Thị Ng 1.350.000.000đ (*một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*);

Bồi thường cho ông Hứa Xuân Tr 1.100.000.000đ (*một tỷ một trăm triệu đồng*).

4. THại hành án:

4.1. Quy định chung:

- Tr hợp bản án được tHại hành theo qui định tại Điều 2 Luật tHại hành án dân sự thì người được tHại hành án, người phải tHại hành án dân sự có quyền thỏa thuận tHại hành án, quyền yêu cầu tHại hành án, tự nguyện tHại hành án hoặc bị cưỡng chế tHại hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật tHại hành án dân sự, thời Hiệu tHại hành án được quy định tại điều 30 Luật tHại hành án dân sự.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu tHại hành án của người được tHại hành án cho đến khi tHại hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải tHại hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải tHại hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ 11 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tại hồ sơ vụ án.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 113.450.000đ (*một trăm mười ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Trong thời Hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, được quyền làm đơn kháng cáo bản án. Riêng người bị hại, được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong Hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nơi nhận:

- Bị cáo (2);
- Bị Hại, người liên quan
- Người bào chữa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ quan cảnh sát điều tra - CA tỉnh ĐN (PC45);
- Cơ quan THA hình sự;
- CA tỉnh Đồng Nai (PC81);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (B5);
- Cục THại hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Đồng Nai (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng KTNV và THATAND tỉnh ĐN (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu (4).

Đinh Thị Kiều Lương